

Bản án số: 141/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11-12-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc;
2. Ông Nguyễn Văn Nông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 776/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Công Đ, sinh năm 1968; thường trú: 20/4 khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1969; thường trú: 20/4 khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 9 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Dương Công Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Công Đ và bà Nguyễn Thị Thanh N có thời gian tìm hiểu khoảng 04 (bốn) năm thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương) vào năm 1990 được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43/90, quyền số 01 ngày 27/4/1990. Sau khi kết hôn hai vợ

chồng sinh sống cùng gia đình bên chồng tại khu phố T, phường D, tỉnh Bình D cho đến nay. Ông Dương Công Đ xác định cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, hai vợ chồng sống cùng nhà nhưng mạnh ai lấy sống, bà N tự ý sử dụng tiền của gia đình để làm kinh tế không có sự bàn bạc với ông Đ dẫn đến thất thoát tiền của gia đình. Ông Đ thừa nhận có mối quan hệ với người phụ nữ khác, bản thân không chung thủy. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến việc ông Đ không còn tình cảm, không muốn sống chung với bà N nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh N.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có ba con chung, chị Dương Thị Ánh T, sinh ngày 05/10/1992; anh Dương Tấn Đ, sinh ngày 24/8/2002 và cháu Dương Gia B, sinh ngày 02/3/2012. Sau khi ly hôn, ông Dương Công Đ yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Dương Gia B và không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh N cấp dưỡng nuôi con. Chị Dương Thị Ánh T và anh Dương Tấn Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa ông Đ đồng ý giao cháu Dương Gia B cho bà N nuôi dưỡng và ông Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 19 tháng 10 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh N thống nhất như trình bày của ông Dương Công Đ về thời gian tìm hiểu, thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống. Về mâu thuẫn vợ chồng bà N xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2012 khi bà N sinh cháu B, nguyên nhân do ông Đ không chung thủy, có mối quan hệ với người phụ nữ khác, không chăm lo cho vợ con. Mặc dù ông Đ không chung thủy nhưng bà N vẫn tha thứ và cho ông Đ cơ hội thay đổi. Ngoài mâu thuẫn trên thì vợ chồng bà N không có mâu thuẫn khác. Tại phiên tòa bà N xác định không còn tình cảm, yêu thương ông Đ nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Đ nhưng ông Đ phải để cho mẹ con bà N được sống tại ngôi nhà hiện tại.

Về con chung: Thống nhất như trình bày của ông Dương Công Đ. Quá trình chung sống vợ chồng có ba con chung, chị Dương Thị Ánh T, sinh ngày 05/10/1992; anh Dương Tấn Đ, sinh ngày 24/8/2002 và cháu Dương Gia B, sinh ngày 02/3/2012. Bà Nguyễn Thị Thanh N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Dương Gia B và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Thống nhất vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân, ông Dương Công Đ và bà Nguyễn Thị Thanh N có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa bị đơn thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Ông Dương Công Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh N. Bà Nguyễn Thị Thanh N cư trú tại nhà số 20/4 khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Công Đ và bà Nguyễn Thị Thanh N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương) vào ngày 27/4/1990 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43/90, quyển số 01 nên quan hệ hôn nhân của ông Dương Công Đ và bà Nguyễn Thị Thanh N là hợp pháp.

Nguyên đơn ông Dương Công Đ xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do hai vợ chồng sống cùng nhà nhưng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không dành tình cảm yêu thương cho nhau, ông Đ không chung thủy trong quá trình chung sống với bà N. Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh N thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đ không chung thủy, có mối quan hệ với người phụ nữ khác trong thời kỳ hôn nhân. Tại phiên tòa bà N xác định không còn tình cảm, không muốn sống chung và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Đ.

Xét để hôn nhân hạnh phúc thì cả hai vợ chồng phải có sự quan tâm, chăm sóc, có sự chia sẻ, đồng cảm, có sự tin tưởng và sống chung thủy. Ông Đ và bà N sống cùng nhà nhưng cả hai không còn dành tình cảm yêu thương cho nhau, điều này thể hiện ở việc bà N biết việc ông Đ không chung thủy, có mối quan hệ với người phụ nữ khác trong thời kỳ hôn nhân nhưng vẫn chấp nhận và muốn duy trì cuộc hôn nhân với ông Đ. Mâu thuẫn kéo dài nhưng bà N không có biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn, để mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Qua đó thấy

rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Dương Công Đ và bà Nguyễn Thị Thanh N đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông Dương Công Đ yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có ba con chung, chị Dương Thị Ánh T, sinh ngày 05/10/1992; anh Dương Tấn Đ, sinh ngày 24/8/2002 và cháu Dương Gia B, sinh ngày 02/3/2012. Ông Dương Công Đ đồng ý giao cháu Dương Gia B cho bà Nguyễn Thị Thanh N nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Bà N đồng ý theo yêu cầu của ông Đ nên việc giao cháu B cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các đương sự nên Tòa án ghi nhận.

Về việc cấp dưỡng cả nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu: Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Tòa án ghi nhận.

Xét chị Dương Thị Ánh T và anh Dương Tấn Đ đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật, nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Ông Dương Công Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Dương Công Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh N (Giấy chứng nhận kết hôn số 43/90, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương) cấp ngày 27/4/1990).

2. Về con chung: Giao cháu Dương Gia B, sinh ngày 02/3/2012 cho bà Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thanh N không yêu cầu ông Dương Công Đ cấp dưỡng nuôi con

chung. Chị Dương Thị Ánh T và anh Dương Tấn Đ đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau ly hôn, ông Dương Công Đ và bà Nguyễn Thị Thanh N đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Dương Công Đ và bà Nguyễn Thị Thanh N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Công Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0048610 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (01);
- CCTHADS thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quyết